

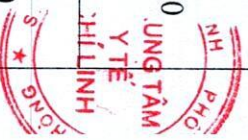
| STT | Danh mục hàng hóa | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|------------|
|     |                   | <p>vía. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giắc có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết <math>\leq 0.03\text{ml}</math>, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được giắc.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim <math>26\text{G} \times 1/2"</math>.</li> </ul> <p>Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, ISO 11135</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>                    |             |            |         |            |
| 31  | Bơm tiêm 5ml      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tới đa đến 6ml</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ <math>23\text{G} \times 1"</math>, <math>25\text{G} \times 1"</math>.</li> </ul> <p>Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, ISO 11135</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul> | Cái         | 100.000    | 730     | 73.000.000 |
| 32  | Bơm tiêm 10ml     | <p>Đầu xoắn</p> <p>Được sản xuất từ nhựa y tế.</p> <p>Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy.</p> <p>Vỏ trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP.</p> <p>Cỡ kim <math>26\text{G} \times 1/2"</math> và <math>25\text{G} \times 1"</math>.</p> <p>Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 30.000     | 1.155   | 34.650.000 |
| 33  | Bơm tiêm 20 ml    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 30.000     | 2.100   | 63.000.000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|------------|
|     |                   | sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.<br>- Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.<br>- Dầu còn lệch tâm<br>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1".<br>- Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, ISO 11135.<br>- Xuất xứ: Việt Nam                                             |             |            |         |            |
| 34  | Bơm cho ăn        | - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.<br>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.<br>- Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt.<br>Thang chia thể tích được chia theo oz và cc.<br>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA - Mỹ.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 11135.<br>- Xuất xứ: Việt Nam                                                                   | Cái         | 300        | 4.410   | 1.323.000  |
| 35  | Kim châm cứu      | Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn.<br>- Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gãy, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp<br>- Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,16 - 0,45)mm x ( 13 - 75) mm<br>- Dầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gò, rìa gai hoặc móc<br>- Dầu kim không bị cong hoặc rạn nứt sau khi bị tác động áp | Cái         | 200.000    | 357     | 71.400.000 |

| STT | Danh mục hàng hóa             | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền  |
|-----|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|-------------|
|     |                               | <p>lực và lực cầm tiêu chuẩn</p> <p>- Kim được đóng gói vô trùng, mỗi kim là khuôn riêng biệt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |            |         |             |
| 36  | Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ | <p>Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1",</p> <p>Ví dụ kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, ISO 11135</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 100.000    | 336     | 33.600.000  |
| 37  | Kim gây tê, gây mê các cỡ     | <p>Đầu kim 3 mặt vát. Phân biệt được cỡ kim qua màu sắc ở đốc kim. Tiệt trùng bằng khí EO</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 1.000      | 23.100  | 23.100.000  |
| 38  | Bơm tiêm Insulin 1ml          | <p>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông.</p> <p>- Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI.</p> <p>- Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ</p> <p>- Kim được đúc liền với vỏ xy-lanh, không thể tháo rời</p> <p>- Kim tiêm bao gồm nhiều cỡ.</p> <p>- Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> | Cái         | 500.000    | 987     | 493.500.000 |
| 39  | Ống hút thai                  | <p>Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC hoặc tốt hơn. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không ba vĩa.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 200        | 3.990   | 798.000     |
| 40  | Ống ly tâm                    | <p>Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml.</p> <p>Dùng cho máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử.</p> <p>Chịu được lực ly tâm <math>\geq 13.000</math> RPM, nhiệt độ (-196) - 120 °C.</p>                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 1.000      | 210     | 210.000     |
| 41  | Dung dịch sát khuẩn da        | <p>Sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn đa trong y tế</p> <p>Diệt khuẩn sau một phút tiếp xúc, tác dụng diệt <math>\geq 99.9\%</math> vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis.</p> <p>Thành phần, hàm lượng của hoạt chất 10% kl/lt (w/v) povidone iodine</p>                                                                                                                                        | Chai        | 2000       | 63.000  | 126.000.000 |

| STT | Danh mục hàng hóa                           | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-------------|------------|---------|------------|
|     |                                             | Quy cách: Chai 500ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |  |  |             |            |         |            |
| 42  | Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu AHG | Huyết thanh Coombs Dùng để sàng lọc kháng thể bất thường. Lọ 10ml. Anti-human globulin (AHG) dùng phát hiện sự hiện diện của kháng thể IgG. Lọ 10ml<br><br>Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |  | Lọ          | 1          | 370.000 | 370.000    |
| 43  | Test HIV                                    | Thành phần:<br>- Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O hoặc tốt hơn<br>- Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O hoặc tốt hơn<br>- Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1: 0,477ug, HIV-2: 0,318ug, HIV-O: 0,080ug hoặc tốt hơn<br>- Vạch chứng: kháng thể đề kháng thử IgG: 0,398ug hoặc tốt hơn<br><br>Ông chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm<br>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA:<br>- Độ nhạy tương quan: 100%<br>- Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,3\%$<br>- Độ chính xác tương quan: $\geq 99,5\%$<br>Đọc kết quả ở phút thứ 10.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 |  |  |  | Test        | 120        | 18.900  | 2.268.000  |
| 44  | Test viêm gan C HCV                         | Thành phần chứa hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp bao gồm NS3, NS4, NS5, CORE và kháng nguyên HCV bao gồm NS3, NS4, NS5 và CORE được phủ trên màng.<br>- Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 2 0,073 µg.<br>- Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 1 0,31 µg.<br>- Vạch chứng(C): Kháng thể đề kháng chuột IgG 0,41 µg<br>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA:<br>- Độ nhạy tương quan: 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  | Test        | 120        | 21.336  | 2.560.320  |

| STT | Danh mục hàng hóa                                        | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền  |
|-----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|-------------|
|     |                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.4\%</math></li> <li>- Độ chính xác tương quan: <math>\geq 99.6\%</math></li> <li>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: <math>\geq 99\%</math></li> </ul> Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp<br>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl<br>Đọc kết quả ở phút thứ 10.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương |             |            |         |             |
| 45  | Test HCG                                                 | Que thử định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 100%</li> <li>- Độ chính xác tương quan: 100%.</li> </ul> Ngưỡng phát hiện: $\leq 25$ mIU/mL.<br>Phát hiện định tính kháng nguyên Chlamydia trong mẫu bệnh phẩm cổ tử cung nữ, mẫu niệu đạo nam và mẫu nước tiểu nam.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                       | Test        | 600        | 2.310   | 1.386.000   |
| 46  | Test Chlamydia                                           | Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích $\geq 15$ ml.<br>Đóng gói riêng từng chiếc, tiết trùng.<br>Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm.<br>Chịu được lực ly tâm $\geq 6000$ vòng/phút.                                                                                                                                                                                                                                                                              | Test        | 25         | 19.550  | 488.750     |
| 47  | Ống nghiệm đựng mẫu nước tiểu có nắp (Ống Falcon)        | Tính năng: Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu.<br>Phát hiện qua:<br>+ Morphine<br>+ Codein<br>+ Amphetamine                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 1000       | 2.100   | 2.100.000   |
| 48  | Multi-drug Urine Test Panel MD-U55(MOP/COD/HER/T HC/AMP) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Test        | 5000       | 27.300  | 136.500.000 |



| STT | Danh mục hàng hóa                           | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|------------|
|     |                                             | + Marijuana<br>+ Heroin<br>Độ nhay: $\geq 90\%$ . Độ đặc hiệu: $\geq 90\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |            |           |            |
|     |                                             | Khay thử Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 của cả bốn loại huyết thanh (DEN-1, DEN-2, DEN-3 và DEN-4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần.<br>Lượng mẫu sử dụng: $\leq 10 \mu\text{l}$<br>Ô nhận mẫu (S) và ô nhận dung dịch đệm (B) được thiết kế riêng để tăng hiệu quả xét nghiệm<br>Độ nhay tương quan: $\geq 99,1\%$ .<br>Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,5\%$<br>Độ chính xác tương quan: $\geq 99,4\%$<br>Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: $\geq 99\%$<br>Sản phẩm đạt 2 chứng chỉ FSC Châu Âu.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Test        | 50         | 38.000    | 1.900.000  |
| 49  | Test chẩn đoán NS1 Denguae                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |            |           |            |
| 50  | Hồng cầu mẫu                                | Hồng cầu sử dụng để phát hiện các kháng thể nhóm máu ABO ở mẫu bệnh nhân và đơn vị máu.<br>Bộ gồm 2 lọ. Mỗi lọ 10ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 8          | 3.500.000 | 28.000.000 |
| 51  | Tua bin sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp | Kích thước:<br>- Đường kính ngoài: 33.3mm<br>- Đường kính trong: 30.5mm<br>- Chiều dài: 41.5mm<br>- Độ dày: 2mm<br>- Trọng lượng: 20.29g<br>- Phần ngâm miệng: Ø 30mm<br>Chất liệu:<br>- Polycarbonate, giấy/cellulose nguyên chất<br>Hoặc tương đương thông số trên và sử dụng tương thích với máy đo chức năng hô hấp tại đơn vị                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 600        | 82.000    | 49.200.000 |
| 52  | Bộ nhuộm lao                                | Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ          | 10         | 1.260.000 | 12.600.000 |

| STT                           | Danh mục hàng hóa          | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền    |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|---------------|
|                               |                            | là Carbol Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml.<br>- Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng                                                                                                                                                                              |             |            |         |               |
| 53                            | Cốc đựng đờm               | - Chất liệu nhựa PVC hoặc tốt hơn<br>- Đường kính dưới 4,5cm, đường kính trên 6cm, chiều cao 3,5cm, nắp vặn.<br>- Trên nắp và cạnh thành của cốc đựng đờm có đảm mờ ghi tên bệnh nhân                                                                                                                                                                 | Cái         | 3.000      | 1.890   | 5.670.000     |
| 54                            | Ông ly tâm                 | Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử.<br>Chịu được lực ly tâm $\geq 13.000$ RPM, nhiệt độ (-196) - 120 °C<br>Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD)                                                                           | Cái         | 5.000      | 210     | 1.050.000     |
| 55                            | Que thử Máy đo đường huyết | Thời gian đo: $\leq 10$ giây<br>Lượng mẫu tối thiểu: $\leq 0,5 \mu\text{L}$<br>Loại mẫu xét nghiệm: Mẫu tươi toàn phần từ mao mạch<br>Phạm vi HCT: 25 - 60%<br>Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL)<br>Được sản xuất từ thép carbon không gỉ, thân có dập gân tăng cứng, đầu mũi kim được vát sắc nhọn.<br>Tiệt trùng bằng khí EO. | Test/que    | 5.000      | 4.830   | 24.150.000    |
| 56                            | Kim chích máu              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 5.000      | 210     | 1.050.000     |
| 57                            | Cồn 70 độ                  | - Nồng độ ethanol 70%<br>- Trong suốt, không màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chai 500ml  | 2.000      | 19.500  | 39.000.000    |
| 58                            | Nước muối sinh lý          | Nước muối sinh lý, chủng loại natri Clorid 0.9 % (Muối NaCl 0.9%). Dùng vệ sinh sinh răng, miệng, họng                                                                                                                                                                                                                                                | Chai 500ml  | 2.000      | 4.500   | 9.000.000     |
| <b>Tổng cộng: 58 mặt hàng</b> |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |            |         | 1.788.587.470 |

(Bảng chữ: Một tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu đồng năm trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi đồng)

